

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/12/2023
V/v “*Không công nhận quan hệ
vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu
Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Công Trung
- Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số D, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số A, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Ông H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bà V vắng mặt lần thứ 2 tại tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị V tổ chức đám cưới tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu, ông và bà V chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2003, thì phát sinh mâu thuẫn, gây gổ với nhau vì bất đồng trong cuộc sống. Ông và bà V sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Hiện nay, cuộc sống vợ chồng của ông và bà V ngày càng bất hòa, gây gổ, mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó, ông yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà V để ông và bà V có cuộc sống tự do cho mỗi người.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 20/4/2000 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 07/3/2002, tất cả đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ náo: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện, yêu cầu không công nhận quan hệ sống chung giữa ông và bà Nguyễn Thị V là quan hệ vợ chồng. Yêu cầu của ông H được pháp luật điều chỉnh tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tại các lần hòa giải cũng như tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: theo văn bản xác nhận ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã A xác nhận ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị V không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A.

Ông H bà V có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa ông H bà V là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 20/4/2000 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 07/3/2002, tất cả đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 20/4/2000 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 07/3/2002, tất cả đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0001350 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A (B-Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu